

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ khoản 5 Điều 211, Điều 212 và Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 229/2025/TLST-HN ngày 13 tháng 02 năm 2025, về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Phạm Mai V, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Số B Đường A, Khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Bà Lê Thị Phương T, sinh năm: 1988;

Địa chỉ: Số B Đường A, Khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại thành phố T nên theo điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13/3/2025 và Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn có trong hồ sơ, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 78/2012, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận I (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/12/2012 thì quan hệ hôn nhân của ông Phạm Mai V và bà Lê Thị Phương T là tự nguyện và hợp pháp.

Xét quan hệ hôn nhân của ông Phạm Mai V và bà Lê Thị Phương T không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Ông Phạm Mai V và bà Lê Thị Phương T xác định có 03 con chung là Phạm Quang T1, sinh ngày 19/7/2014, Phạm Quang B sinh ngày 17/12/2018, Phạm Châu N sinh ngày 11/7/2021. Ông Phạm Mai V và bà Lê Thị Phương T thống nhất giao con chung Phạm Quang T1, Phạm Quang B, Phạm Châu N cho bà Lê Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Phạm Mai V cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng/01 con chung cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định pháp luật. Thời gian cấp dưỡng thực hiện vào ngày 05 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện ngay sau khi quyết định này có hiệu lực pháp luật. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự, không trái đạo đức xã hội, không trái quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung: Ông Phạm Mai V và bà Lê Thị Phương T xác định không có.

Về nợ chung: Ông Phạm Mai V và bà Lê Thị Phương T xác định không có.

Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), ông Phạm Mai V và bà Lê Thị Phương T phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Mai V, sinh năm 1987 và bà Lê Thị Phương T, sinh năm 1988 thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm Mai V và bà Lê Thị Phương T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 78/2012, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận I (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/12/2012 chấm dứt kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Ông Phạm Mai V và bà Lê Thị Phương T xác định có 3 (ba) con chung là Phạm Quang T1, sinh ngày 19/7/2014, Phạm Quang B sinh ngày 17/12/2018, Phạm Châu N sinh ngày 11/7/2021. Giao 03 con chung Phạm Quang T1, Phạm Quang B, Phạm Châu N cho bà Lê Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Phạm Mai V cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng/01 con chung cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định pháp luật. Thời gian cấp dưỡng thực hiện vào ngày 05 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện ngay sau khi quyết định này có hiệu lực pháp luật.

Các bên tự thực hiện hoặc thi hành tại Chi cục Thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định thì hàng tháng người phải thi hành án còn chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Phạm Mai V và bà Lê Thị Phương T xác định không có.

- Về nợ chung: Ông Phạm Mai V và bà Lê Thị Phương T xác định không có.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), ông Phạm Mai V và bà Lê Thị Phương T phải chịu, được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí ông Phạm Mai V và bà Lê Thị Phương T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số BLTU/24P 0079183 ngày 21/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (Biên lai thu trên công dịch vụ công số 000002766685 ngày 21/01/2025). Ông Phạm Mai V và bà Lê Thị Phương T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Sương